

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **231/2017/HNGĐ_ST**
Ngày: 15/8/2017
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Nhựt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Khánh Loan – Liên Đoàn Lao Động Tp.Biên Hòa
2. Bà Trần Thị Hồng Ngọc – Hội liên hiệp phụ nữ phường Tam Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Duẩn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Không

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường 05 – Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1289/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 281/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị X**, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp Đầy Hương, xã Thạnh Thới An, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Tấn Y**, sinh năm 1979

Địa chỉ: 124, ấp Đồng, xã Phước Tân, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(chị X có đơn xin vắng mặt, anh Y có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Phan Thị X trình bày: Năm 2008, chị và anh Nguyễn Tấn Y tự nguyện chung sống với nhau và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Tân, huyện Long Thành (nay thuộc thành phố Biên Hòa), tỉnh Đồng Nai. Ngày 07/8/2008, UBND xã Phước Tân cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 212, quyển số 01/08 cho vợ chồng anh chị. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống tính cách không hòa hợp. Từ cuối năm 2011, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Chị đã chuyển hẳn về Sóc Trăng để sinh sống cùng gia đình, còn anh Y sinh sống ở Biên Hòa. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Y, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Y.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh Y có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Tuyên, sinh ngày 29/11/2001 và Nguyễn Ngọc Tiên, sinh ngày 24/8/2008 hiện nay cả hai cháu đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000đ/02cháu/tháng (Một triệu đồng trên hai cháu trên tháng) đến khi con chung tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung tự thỏa thuận; nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 30/5/2017, chị X có đơn xin giải quyết vắng mặt do điều kiện địa lý xa xôi.

Theo bản tự khai và tại phiên Tòa bị đơn anh Nguyễn Tấn Y trình bày: Về quan hệ hôn nhân như chị X trình bày là đúng. Hai vợ chồng tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian về sau thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hay tranh cãi. Mặc dù đã nhiều lần tìm phương án hòa giải đoàn tụ nhưng kết quả không thành. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2011 cho đến nay. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị X, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X.

Về con chung: Anh cũng đồng ý với ý kiến của chị X là giao 02 con chung gồm Nguyễn Ngọc Tuyên, sinh ngày 29/11/2001 và Nguyễn Ngọc Tiên, sinh ngày 24/8/2008 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000đ/02cháu/tháng (Một triệu đồng trên hai cháu trên tháng) đến khi con chung tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung tự thỏa thuận; nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Ngọc Tuyên, sinh ngày 29/11/2001 và cháu Nguyễn Ngọc Tiên, sinh ngày 24/8/2008 có ý kiến khi cha mẹ cháu là chị X và anh Y ly hôn, các cháu có nguyện vọng được chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn chị Phan Thị X khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Y đối chiếu các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị Phan Thị X là nguyên đơn, anh Nguyễn Tấn Y là bị đơn trong vụ án.

Anh Nguyễn Tấn Y có hộ khẩu thường trú tại 124, ấp Đồng, xã Phước Tân, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn chị Phan Thị X có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 01 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị X.

2. Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị X và anh Nguyễn Tấn Y tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Tân, huyện Long Thành (nay thuộc thành phố Biên Hòa), tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 212, quyển số 01/08 nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, chị X và anh Y đều xác định cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc trong thời gia đầu. Sau đó, do bất đồng về quan điểm và có nhiều cãi vã nhau nên anh chị đã ly thân với nhau từ năm 2011 cho đến nay. Cuộc sống gia đình của chị X, anh Y đã không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị X yêu cầu ly hôn và anh Y đồng ý. Do đó, yêu cầu về việc ly hôn của chị X là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị X và anh Y có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Tuyền, sinh ngày 29/11/2001 và Nguyễn Ngọc Tiên, sinh ngày 24/8/2008. Khi ly hôn chị X đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000đ/02 cháu/tháng (Một triệu đồng trên hai cháu trên tháng) đến khi con chung tròn 18 tuổi và có khả năng lao động. Yêu cầu của chị X phù hợp với nguyện vọng của cháu Tuyền, cháu Tiên và được anh Y đồng ý, nên yêu cầu của chị X về phần giải quyết con chung là có cơ sở chấp nhận.

- Cả chị X và anh Y đều xác định về tài sản chung các bên tự thỏa thuận; nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là không có và cả hai đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Chị Phan Thị X phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;
Áp dụng các điều 51, 56, 71, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị X đối với bị đơn anh Nguyễn Tấn Y về việc tranh chấp ly hôn.

Tuyên xử:

Chị Phan Thị X, sinh năm 1978 được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Y, sinh năm 1979.

Giao 02 con chung gồm Nguyễn Ngọc Tuyền, sinh ngày 29/11/2001 và Nguyễn Ngọc Tiên, sinh ngày 24/8/2008 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng; anh Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 500.000đ/01 cháu/tháng (Một triệu đồng trên một cháu trên tháng) kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Nguyễn Tấn Y được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có

quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 02 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự. Thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Chị Phan Thị X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 009606 ngày 07/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Chị X đã nộp đủ án phí theo quy định.

Anh Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Anh Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, chị X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Biên Hòa
- UBND xã Phước Tân;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Minh Nhựt